TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **335**/2023/HN-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Phạm Minh Đức**
+ Ông **Nguyễn Văn Tâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 195/2023/TLST-HN ngày 24/5/2023 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ T,** sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp D, xã P, G, tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: **NGUYỄN VĂN H,** sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp D, xã P, huyện G, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** ***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày***: chị và anh H sống chung với nhau vào năm 2005 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Trung. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H nhậu nhẹt nên vợ chồng xảy ra cải nhau, thỉnh thoảng anh H có đánh chị. Chị và anh H không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn với

anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị T là yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Tuy nhiên hiện cháu N đang sống ổn định với anh H và theo nguyện vọng của cháu là muốn được sống với anh H nên yêu cầu của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, giao anh H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Trung, nay chị T xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Văn H trú tại địa chỉ: ấp Dương Quới, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T xin ly hôn với anh H do quá trình chung sống anh H đi nhậu về xúc phạm chị và có lần cầm dao đuổi đánh chị. Chị T và anh H không chung sống với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay, trong thời này chị T và anh H đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa, anh H không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N hiện đang sống với anh H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N đang sống ổn định với anh H, anh H cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và theo nguyện vọng của cháu N là được tiếp tục sống với anh H nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: chị T và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: chị T và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xé.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mộng N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh H có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028761 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Phước Trung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên